TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/KDTM-ST
Ngày: 14/02/2025
V/v "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sỹ và ông Nguyễn Đình Thọ

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa**: Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2024/QĐXXST-DS ngày 06/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 420/2024/QĐST-DS ngày 25/12/2024 và Thông báo số 420/TB-TA ngày 13/01/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: 40-42-44 P, phường V, TP. G, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Trung B – Phó tổng giám đốc

(Theo Văn bản ủy quyền số 68/QĐ-CT.HĐQT ngày 09/07/2024)

Người được uỷ quyền lại:

1. Ông Đặng Trường T – Trưởng bộ phận xử lý nợ

2. Ông Nguyễn Tấn C – Chuyên viên xử lý nợ

3. Ông Nguyễn Quyết H – Chuyên viên cao cấp xử lý nợ

(Theo Văn bản ủy quyền số 2074A/QĐ-NHKL ngày 29/7/2024)

* Bị đơn: Anh Lê Hải N, sinh năm: 1988 và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: Tổ 53, khu phố 10, phường E, TP. D, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: 05/5 H1, phường G (trước đây là phường L) TP. D, tỉnh Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Kim T1, sinh năm: 1960

Nơi cư trú: Tổ 53, khu phố 10, phường E, TP. D, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: 05/5 H1, phường G (trước đây là phường L) TP. D, tỉnh Đ.

(Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Tấn B2 có mặt, anh Lê Hải N, chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y và bà Phan Thị Kim P1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024, Đơn sửa đổi bổ sung ngày 01/7/2024, các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Đặng Trường B1 và ông Nguyễn Tấn B2 trình bày:**

Ngày 30/03/2022, anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y có vay của Ngân hàng TMCP K số tiền là 950.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 156/22/HĐTD/2600-12192 và Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 172/22/HĐTD/2600-12192, cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 156/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/2022: Số tiền vay: 830.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi triệu đồng); Mục đích vay: Mua bán hải sản; Ngày giải ngân: 31/03/2022; Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn: 31/03/2023; lãi suất vay: 10,6%/năm được cố định trong 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất của các khế ước nhận nợ sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và lãi suất vay điều chỉnh được tính như sau: Lãi suất vay bằng (=) Lãi suất tiền tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, loại lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) 3,7% /năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay); Lãi suất nợ quá hạn bằng (=) 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất lãi chậm trả: 10%/năm; Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả lãi vay: Ngày 05 hàng tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc: 31/03/2023.

Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 172/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/2022: Số tiền vay: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Mục đích vay: Phục vụ đời sống. Ngày giải ngân: 30/03/2022. Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn: 30/03/2023. Lãi suất vay là 14%/năm được cố định trong 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất vay của các khế ước nhận nợ sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và lãi suất vay điều chỉnh được tính như sau: Lãi suất vay bằng (=) Lãi suất tiền tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, loại lãnh lãi cuối kỳ

của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) 3,8% /năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất nợ quá hạn bằng (=) 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất lãi chậm trả: 10%/năm. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả lãi vay: Ngày 05 hàng tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: 30/03/2023.

Để bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, bà Phan Thị Kim P1 đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tọa lạc tại vị trí: 05/5 H1, phường G (trước đây là phường L) TP. D, tỉnh Đ.

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 261604, số vào sổ cấp GCN: CH00357 do UBND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 05/11/2012 (cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phan Thị Kim P1 ngày 20/07/2020), nhà và đất có các đặc điểm cụ thể như sau: số thửa 264, tờ bản đồ số: 5, diện tích: 29m^2 (đất ở); Nhà ở kết cấu: Tường xây, mái tole, nhà cấp IV, số tầng: 01. Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 488/21/HĐTC-BĐS/2600-12192 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sửa đổi bổ sung số 488/21/HĐTC-BĐS/2600-12192-01 ngày 30/03/2022 (Đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Minh Thiện ngày 31/03/2021 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định - Chi nhánh thành phố Quy Nhơn ngày 31/03/2021).

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh N và chị Y chỉ thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng K đến ngày 04/9/2022, kể từ sau đó cho đến nay anh N, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu anh N và chị Y phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K số tiền nợ gốc và nợ lãi của cả 02 hợp đồng tạm tính đến hết ngày 14/02/2025 là 1.472.938.893 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.251.112 đồng, nợ lãi quá hạn là 431.869.890 đồng, chậm trả lãi là 15.817.891 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp anh N, chị Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ theo yêu cầu thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại vị trí: 05/5 H1, phường G (trước đây là phường L) TP. D, tỉnh Đ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 261604, số vào sổ cấp GCN: CH00357 do UBND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 05/11/2012 (cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phan Thị Kim P1 ngày 20/07/2020)) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị Kim P1 để thanh toán cho khoản nợ của anh N, chị Y tại Ngân hàng K.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP K không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn là anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Kim P1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành triệu tập của Tòa, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều, 299, 317, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

- Buộc anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y thanh toán cho Ngân hàng TMCP L tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 1.472.938.894 đồng (trong đó nợ gốc 950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 75.251.112 đồng, lãi quá hạn 431.869.890 đồng, tiền phạt chậm trả 15.817.891 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh tính theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng từng lần số 156/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 172/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/2022 kể từ ngày 30/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

- Kể từ ngày có Quyết định/Bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại số thửa 264, tờ bản đồ số: 5, diện tích: 29m2 (đất ở) tại Tổ 36, KV5, P. L, TP. D, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 261604, số vào sổ cấp GCN: CH00357 do UBND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 05/11/2012 (cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho bà Phan Thị Kim P1 ngày 20/07/2020) để thu hồi nợ.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] HĐXX xác định tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K với bị đơn anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì trong

02 hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bên vay và bên cho vay thì mục đích của bên vay khi ký kết hợp đồng tín dụng số 156/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/2022 là để kinh doanh hải sản.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hải N, chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim P1 mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Y, bà P1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Ngày 30/03/2022, anh Lê Hải N, chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 830.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 156/22/HĐTD/2600-12192, thời hạn vay 12 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc được tính từ ngày 31/3/2023, mục đích vay là để kinh doanh hải sản, lãi suất theo thoả thuận của hợp đồng và 120.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 172/22/HĐTD/2600-12192, thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi là đến hết ngày 30/03/2023, mục đích vay là để phục vụ đời sống, lãi suất thoả thuận theo hợp đồng, kỳ hạn trả lãi của 02 hợp đồng đều được tính từ ngày 05 hàng tháng. Các hợp đồng nói trên được ký kết bởi các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đủ cơ sở để HĐXX xác định giao dịch nói trên đều hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, anh N và chị Y đã trả lãi đến ngày 04/9/2022, sau đó thì anh N, chị Y không tiếp tục trả lãi và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc. Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng anh N, chị Y không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N, chị Y thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc là 950.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, sau khi vay anh chị đã trả lãi được một phần nhưng sau đó thì anh chị không tiếp tục trả lãi và chưa trả nợ gốc. Do anh N và chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc anh N và chị Y có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 14/02/2025 là **1.472.938.893 đồng** (trong đó tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi gồm: Lãi trong hạn là 75.251.112 đồng, chậm trả lãi là 13.662.013 đồng, lãi chậm trả gốc là 431.869.890 đồng). Ngoài ra, anh N, chị Y còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tính từ ngày 15/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay của anh N và chị Y, bà Phan Thị Kim P1 đã ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là đất và nhà toạ lạc tại số 05/5 H1, phường G (trước đây là phường L) TP. D,

tỉnh Đ, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của bà Phan Thị Kim P1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 488/21/HĐTC-BĐS/2600-12192 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sửa đổi bổ sung số 488/21/HĐTC-BĐS/2600-12192-01 ngày 30/03/2022. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên đây là căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên khi phát sinh tranh chấp. Do đó, trong trường hợp anhN, chị Y không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, anh N, chị Y phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên anh N, chị Y phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền trên cho Nguyên đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Hoài và chị Trang phải chịu 56.188.000 đồng án phí DSST. Ngân hàng TMCP Kiên Long không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.994.000 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 295, các Điều từ 299 đến 308, Điều 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 14/02/2025 là **1.472.938.893 đồng** (trong đó tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi gồm: Lãi trong hạn là 75.251.112 đồng, chậm trả lãi là 13.662.013 đồng, lãi chậm trả gốc là 431.869.890 đồng).

Ngoài ra, anh K, chị Y còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 156/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/3022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 172/22/HĐTD/2600-12192 ngày 30/03/2022 đã ký với Ngân hàng TMCP K tính từ ngày 15/02/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Về tài sản bảo đảm: Nếu anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã được bà Phan Thị Kim P1 thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 488/21/HĐTC-BĐS/2600-12192 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sửa đổi bổ sung số 488/21/HĐTC-BĐS/2600-12192-01 ngày 30/03/2022 giữa bà Phan Thị Kim P1 và Ngân hàng TMCP K1.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), anh N, chị Y phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên anh N, chị Y phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP K.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Lê Hải N và chị Thái Thị Ngọc Quỳnh Y phải chịu 56.188.000 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 24.994.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001218 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Diễm